

Số: 358/TB-QT&KD

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2021

THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2021

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS) do ĐHQGHN cấp bằng

Được thành lập từ năm 1995, Khoa Quản trị và Kinh doanh (HSB) là một khoa thành viên trong mô hình Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU). Trong 25 năm qua, HSB luôn là thương hiệu có uy tín với chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (HSB-MBA) và các chương trình đào tạo liên ngành mới (MET, MNS, MOTE, DMS) hiện đang được triển khai với sự hợp tác của các trường Đại học xếp hạng Top trên thế giới như; ĐH Queensland (Úc) xếp hạng 47 Thế giới năm 2018, ĐH Công lập NewYok (Mỹ), Trường Kinh doanh IPAG (Pháp), ĐH Han Yang (Hàn Quốc)....

Phù hợp với Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong đó đã xác định những vấn đề an ninh mới (an ninh phi truyền thống) đang trở thành mối nguy cơ trực tiếp, thường xuyên tới an ninh quốc gia, an ninh cộng đồng và an ninh doanh nghiệp của Việt Nam. Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (*Master in Management of Non-traditional Security, MNS*) được triển khai nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu bức thiết trong việc nghiên cứu và đào tạo nhân lực cho lĩnh vực đào tạo có vai trò đặc biệt quan trọng này.

Sau 8 năm triển khai chương trình MNS, trước yêu cầu của việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng “cá thể hóa” và “nhóm hóa”, HSB tiếp tục phát triển chương trình lên một tầm cao mới nhằm đào tạo ra các Thạc sĩ MNS có khả năng nghiên cứu và tác nghiệp chuyên sâu theo từng lĩnh vực an ninh phi truyền thống gồm: *Chính sách và chiến lược an ninh phi truyền thống/ An ninh và Phát triển bền vững địa phương/ An ninh kinh tế và an ninh tài chính/ An ninh doanh nghiệp/ Rủi ro thị trường và điều tra thương mại/ An ninh thông tin và An ninh mạng/ An ninh con người và an ninh môi trường/ An ninh hàng không*). Đây là một đổi mới sáng tạo có ý nghĩa quan trọng về học thuật và đáp ứng yêu cầu cấp bách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nhân lực – nhân tài trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống trong thực tiễn đa dạng của thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân, an ninh con người Việt Nam và an ninh của các doanh nghiệp Việt Nam..

Khoa Quản trị và Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội tiếp tục tuyển sinh chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS) Khóa 13 và Khóa 14 trong năm 2021 với các thông tin cụ thể như sau:

1. Văn bằng Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống:

- Tên văn bằng:
Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống
Tiếng Anh: *Master in Management of Non-Traditional Security*
- Tên bằng điểm: Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống, *chuyên sâu theo 1 trong 8 lĩnh vực của chương trình học tập và nghiên cứu.*
- Đơn vị thực hiện đào tạo: Khoa Quản trị và Kinh doanh (HSB)
- Đơn vị cấp bằng: Đại học Quốc gia Hà Nội
- Mã chuyên ngành: 8900201.05QTD
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Thời gian nhận hồ sơ:

Phòng Tuyển sinh HSB liên tục tiếp nhận hồ sơ của thí sinh trong thời gian đăng kí dự tuyển.

3. Phương thức đăng kí dự tuyển:

Ứng viên truy cập trên Cổng thông tin Tuyển sinh sau đại học - Đại học Quốc gia Hà Nội qua địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng kí dự tuyển trực tiếp theo hướng dẫn (hoặc liên hệ phòng Tuyển sinh để nhận được hướng dẫn chi tiết).

Thời gian đăng kí:

- **Đợt 1:** 8h00 ngày 17/01/2021 đến 17h00 ngày 02/04/2021

- **Đợt 2:** 8h00 ngày 26/04/2021 đến 17h ngày 24/09/2021

4. Thời gian phỏng vấn dự kiến:

- **Đợt 1:** từ 01/04/2021 – 28/04/2021

- **Đợt 2:** từ 18/09/2021 – 10/10/2021

5. Thời gian đào tạo:

- Thời gian đào tạo: từ 18 đến 24 tháng, học vào sáng và chiều các ngày thứ 7, Chủ Nhật.

- Thời hạn bảo lưu: 24 tháng

6. Điều kiện dự tuyển:

6.1. Điều kiện văn bằng

Ứng viên tốt nghiệp đại học thuộc các hệ đào tạo được đăng ký dự tuyển và chia ra các nhóm đối tượng cụ thể như sau:

- (1) **Nhóm 1:** Có bằng đại học ngành phù hợp thuộc nhóm ngành: kinh doanh, quản trị và quản lý, an ninh và trật tự xã hội, quân sự được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung với chương trình gồm 3 học phần (tổng cộng 9 tín chỉ), bao gồm:
- + Tổng quan về phát triển bền vững (3 tín chỉ)
 - + Hội nhập toàn cầu và an ninh (3 tín chỉ)
 - + Hệ thống pháp luật Việt Nam về an toàn và an ninh (3 tín chỉ)
- (2) **Nhóm 2:** Có bằng đại học các ngành thuộc lĩnh vực: khoa học sự sống, toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật, kiến trúc và xây dựng, sản xuất và chế biến, nông-lâm nghiệp và thủy sản, thú y, môi trường và bảo vệ môi trường, sức khỏe, nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, nghệ thuật, khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung với chương trình gồm 4 học phần (tổng cộng 12 tín chỉ), bao gồm:
- + Tổng quan về khoa học quản trị (3 tín chỉ)
 - + Tổng quan về phát triển bền vững (3 tín chỉ)
 - + Hội nhập toàn cầu và an ninh (3 tín chỉ)
 - + Hệ thống pháp luật Việt Nam về an toàn và an ninh (3 tín chỉ)

6.2. Điều kiện thâm niên công tác

Người dự tuyển phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến các hoạt động quản lý nhà nước, hành chính, an ninh, kinh tế - xã hội, kinh doanh, ngoại giao, hoặc các hoạt động liên quan tới an ninh phi truyền thống.

6.3. Điều kiện về ngoại ngữ

Thí sinh dự tuyển phải có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh, được cơ quan thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh;
- Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Chứng chỉ còn giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ và được cấp bởi cơ sở được ĐHQGHN công nhận (*Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2*)

7. Hình thức tuyển sinh:

- Tuyển sinh theo phương pháp mới và hiện đại thông qua xét tuyển (bao gồm xét hồ sơ và phỏng vấn)

7.1. Quy trình xét tuyển

- **Bước 1:** Nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký dự tuyển theo các yêu cầu của chương trình đào tạo và các quy định của ĐHQGHN. Ứng viên đáp ứng yêu cầu về hồ sơ theo quy định sẽ được thông báo về thời gian phỏng vấn.
- **Bước 2:** Kiểm tra năng lực viết luận, đánh giá hồ sơ và phỏng vấn. Yêu cầu và mục đích của bước này bao gồm:
 - + **Viết bài luận:** Thí sinh được yêu cầu viết một bài luận ngắn trong 30 phút để kiểm tra khả năng viết luận logic bằng tiếng Việt;
 - + **Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn:** Hội đồng tiến hành đánh giá hồ sơ; đặt câu hỏi để thí sinh trả lời (bằng tiếng Việt). Các câu hỏi kiểm tra động cơ, mục đích học tập, kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh liên quan tới chuyên ngành dự tuyển, năng lực học tập, nghiên cứu và một số nội dung khác liên quan đến bàn luận các vấn đề của chương trình đào tạo. Trong trường hợp bất khả kháng HSB có thể tổ chức phỏng vấn online (như trong trường hợp đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tăng cường giãn cách xã hội, thiên tai...)

7.2. Thang điểm đánh giá:

- **Thang điểm: thang điểm tối đa là 100 điểm**
- **Điểm tối thiểu để được đề nghị xét tuyển: 50/100 điểm**
- **Điểm ưu tiên tối đa được cộng thêm: 10 điểm**
- **Các tiêu chí cụ thể như sau:**
 - + **Năng lực học tập:** tối đa 30 điểm

Tiêu chí này đánh giá năng lực học tập của thí sinh thông qua kết quả học tập đã đạt được ở bậc cử nhân. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên điểm trung bình chung các học phần ở bậc đào tạo cử nhân.

- + **Năng lực ngoại ngữ:** tối đa 10 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực ngoại ngữ của thí sinh. Việc đánh giá và cho điểm dựa vào các chứng chỉ ngoại ngữ mà thí sinh đã đạt, các khóa đào tạo tiếng Anh hoặc tốt nghiệp đại học ở nước ngoài.

- + **Kiểm tra khả năng viết luận của thí sinh:** tối đa 10 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá khả năng viết luận của thí sinh, mục đích, động cơ, nhu cầu học tập của thí sinh đối với chương trình đào tạo.

- + **Phỏng vấn:** tối đa 40 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá nhận thức, trình độ, hiểu biết của thí sinh về các vấn đề thuộc hoặc liên quan tới các chuyên ngành đào tạo mà thí sinh dự tuyển; khả năng giao tiếp, hiểu và diễn đạt vấn đề theo yêu cầu.

- + **Ý kiến đánh giá và ủng hộ trong thư giới thiệu, đối tượng ưu tiên (nếu có):** tối đa 10 điểm.

Tiêu chí này nhằm đánh giá về phẩm chất và năng lực của thí sinh thông qua nhận xét của các cá nhân nhà khoa học và chuyên gia đã có thời gian tiếp xúc với thí sinh; thí sinh thuộc diện ưu tiên nếu có.

8. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

8.1. Đối tượng ưu tiên

- Có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng kí dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ hai năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng kí dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;
- Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh. Con đẻ của liệt sỹ, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Ủy ban nhân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

8.2. Mức ưu tiên và thành tích nghiên cứu khoa học

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm trong tổng số điểm của thí sinh bao gồm tất cả các phần đánh giá (thang điểm 100 điểm).

b) Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học:

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

+ Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.

+ Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.

- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm;

- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

9. Lịch học bổ sung kiến thức

- Thời khóa biểu lớp Bổ sung kiến thức sẽ được thông báo chi tiết đến ứng viên khi đăng kí.

10. Kinh phí đào tạo:

10.1. Học phí toàn khóa

- Học phí: **135,000,000 đồng/khóa**
- Học phí được đóng thành các đợt theo qui định và sẽ được thông báo sau khi nhập học.
- Học viên xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được xin cấp học bổng bán phần và toàn phần.
- Học phí đã bao gồm toàn bộ chi phí đào tạo, hội thảo, học tập, tham quan thực tế, chi phí cơ sở vật chất, phòng học, tài liệu, chi phí quản lý, dịch vụ teabreak...
- Học phí không bao gồm lệ phí dự thi đầu vào; lệ phí bảo lưu, gia hạn; lệ phí thi lại, học lại (nếu có); lệ phí học Bổ sung kiến thức (nếu có); lệ phí học và thi chứng chỉ Tiếng Anh (nếu có).

10.2. Lệ phí dự tuyển năm 2021

- Lệ phí hồ sơ và đăng ký hồ sơ: 150.000 đồng/thí sinh
- Lệ phí dự thi: 1.000.000 đồng/thí sinh
- Lệ phí học bổ sung kiến thức: Theo thông báo của Phòng Tuyển sinh

11. Hồ sơ đăng ký:

| A. Giấy tờ bắt buộc: | | | | |
|----------------------------------|--|---|----|---------|
| 1. | Phiếu khai thông tin thí sinh dự tuyển (theo mẫu) | : | 01 | bản gốc |
| 2. | Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú, thời hạn 6 tháng tính tới ngày dự tuyển | : | 01 | bản gốc |
| 3. | Giấy chứng nhận đủ sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp, thời hạn trong vòng 6 tháng tính tới ngày dự tuyển | : | 01 | bản gốc |
| 4. | Bảng tốt nghiệp đại học | : | 01 | bản sao |
| 5. | Bảng điểm đại học | : | 01 | bản sao |
| 6. | QĐ tuyển dụng / QĐ bổ nhiệm / HĐLĐ dài hạn / ... | : | 01 | bản sao |
| 7. | Giấy xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 1 năm liên tục của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận thâm niên công tác | : | 01 | Bản gốc |
| 8. | Chứng chỉ ngoại ngữ xác nhận trình độ B1 theo khung tham chiếu châu Âu hoặc tương đương (nếu có) | : | 01 | bản sao |
| 9. | Ảnh chân dung màu, cỡ 4x6, chụp trong vòng 6 tháng | : | 04 | ảnh |
| B. Giấy tờ khác (nếu có): | | | | |

| | | | | |
|-----|--|---|----|---------|
| 10. | Chứng chỉ hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức theo chuyên ngành dự thi trong thời hạn 02 năm tính tới ngày dự thi | : | 01 | bản sao |
| 11. | Chứng chỉ ngoại ngữ xác nhận trình độ dự tuyển đào tạo Sau đại học ở ĐHQGHN trong thời hạn 02 năm tính tới ngày dự thi | : | 01 | bản sao |
| 12. | CV giới thiệu đi dự thi của thủ trưởng cơ quan | : | 01 | bản gốc |
| 13. | Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên, gồm: - Giấy khai sinh hoặc CMND với đối tượng dân tộc; - Hợp đồng lao động; - Giấy xác nhận thời gian làm việc của cơ quan; - Giấy xác nhận công tác tại miền núi, hải đảo 2 năm liên tục do UBND xã, huyện xác nhận đối với đối tượng công tác 2 năm liên tục tại miền núi, hải đảo, vùng sâu; | : | 01 | bản sao |

12. Địa chỉ liên hệ:

VĂN PHÒNG TUYỂN SINH

Địa chỉ: Tầng 2, Nhà B1, Khoa Quản trị và Kinh doanh (HSB), ĐHQGHN

144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Hotline: 096 820 2244 - 024.6292.3030

Email: mns.tuyensinh@hsb.edu.vn / bichkn@hsb.edu.vn

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các Sở, Ban, Ngành, UBND các tỉnh;
- Các Học viện, trường Cao đẳng, Đại học;
- Các đơn vị thuộc HSB;
- Lưu: TS, ĐT, TT&HTHV, KHTC.



PGS.TS. Hoàng Đình Phi

PHỤ LỤC 1.
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ B1, B2
ĐƯỢC CÔNG NHẬN

(Kèm theo Thông báo số 358/TB-QT&KD, ngày 23 tháng 08 năm 2021)

| STT | Cơ sở đào tạo | Chứng chỉ B1, B2 được công nhận | | | | |
|-----|---|---------------------------------|-----------|------------|-------------|-----------|
| | | Tiếng Anh | Tiếng Nga | Tiếng Pháp | Tiếng Trung | Tiếng Đức |
| 1 | Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN | √ | √ | √ | √ | √ |
| 2 | Trường ĐH Hà Nội | √ | √ | | | |
| 3 | Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế | √ | √ | √ | √ | |
| 4 | Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh | √ | √ | √ | √ | |
| 5 | Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Đà Nẵng | √ | | √ | | |
| 6 | Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội | √ | √ | √ | √ | √ |
| 7 | Trường Đại học Thái Nguyên | √ | √ | √ | √ | |
| 8 | Trường Đại học Cần Thơ | √ | | | | |
| 9 | Trường Đại học Vinh | √ | | | | |
| 10 | Học viện An ninh nhân dân | √ | | | | |

PHỤ LỤC 2.

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC

(Kèm theo Thông báo số 358/TB-QT&KD, ngày 23 tháng 08 năm 2021)

Tiếng Anh

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | IELTS | TOEFL | TOEIC (4 kỹ năng) | APTIS (British Council) | Cambridge Exam | BEC | BULATS | Vietnamese Standardized Test of English Proficiency |
|------------------------------------|--------------|-------------------|---|--------------------------------|---|-------------|---------------|--|
| Bậc 3 | 4.5 | 460 ITP 42 iBT | Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120 | B1 | KET (Distinction 140) PET (Pass 140) FCE (Level B1 - 140) | Preliminary | 40 | VSTEP.3-5 (4.0) |

PHỤ LỤC 3.

Danh sách các chương trình đào tạo tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ), đã được kiểm định (còn thời hạn) của ĐHQGHN

(Kèm theo văn bản hướng dẫn số 71/HD-ĐHQGHN ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Đại học Quốc gia Hà Nội)

1. Các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ) của ĐHQGHN

| STT | Chương trình đào tạo | Đơn vị đào tạo |
|---|--|--|
| Chương trình đào tạo tài năng | | |
| 1. | Toán học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 2. | Vật lí | |
| 3. | Hóa học | |
| 4. | Sinh học | |
| Chương trình đào tạo tiên tiến | | |
| 5. | Hóa học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 6. | Khoa học môi trường | |
| Chương trình đào tạo chuẩn quốc tế | | |
| 7. | Vật lí | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 8. | Sinh học | |
| 9. | Địa chất học | |
| 10. | Khoa học máy tính | Trường Đại học Công nghệ |
| 11. | Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông | |
| 12. | Quản trị kinh doanh | Trường Đại học Kinh tế |
| Chương trình đào tạo chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ) | | |
| 13. | Địa chất học | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên |
| 14. | Địa lí tự nhiên | |
| 15. | Khí tượng học | |
| 16. | Thủy văn | |
| 17. | Hải dương học | |
| 18. | Khoa học môi trường | |
| 19. | Triết học | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 20. | Lịch sử | |
| 21. | Ngôn ngữ học | |
| 22. | Văn học | |
| 23. | Tâm Lí học | |
| 24. | Khoa học quản Lí | Trường Đại học Ngoại ngữ |
| 25. | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 26. | Sư phạm Tiếng Pháp | |

| STT | Chương trình đào tạo | Đơn vị đào tạo |
|-----|-----------------------|--------------------------|
| 27. | Ngôn ngữ Anh | |
| 28. | Ngôn ngữ Pháp | |
| 29. | Ngôn ngữ Trung Quốc | |
| 30. | Ngôn ngữ Nhật | |
| 31. | Công nghệ thông tin | Trường Đại học Công nghệ |
| 32. | Kinh tế quốc tế | Trường Đại học Kinh tế |
| 33. | Tài chính - Ngân hàng | |
| 34. | Luật | Khoa Luật |

Danh sách gồm 34 CTĐT.

2. Các CTĐT đã được kiểm định (còn thời hạn) của ĐHQGHN

| STT | CTĐT | Tổ chức kiểm định | Năm kiểm định |
|---|-----------------------------------|-------------------|---------------|
| Trường Đại học Khoa học Tự nhiên | | | |
| 1. | Địa lí tự nhiên | AUN-QA | 2017 |
| 2. | Khí tượng học | AUN-QA | 2017 |
| 3. | Công nghệ Kỹ thuật môi trường | AUN-QA | 2018 |
| 4. | Công nghệ kỹ thuật hóa học | AUN-QA | 2018 |
| 5. | Máy tính và khoa học thông tin | AUN-QA | 2019 |
| 6. | Khoa học vật liệu | AUN-QA | 2020 |
| 7. | Quản lí đất đai | AUN-QA | 2020 |
| Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn | | | |
| 8. | Triết học | AUN-QA | 2016 |
| 9. | Văn học | AUN-QA | 2017 |
| 10. | Tâm Lí học | Bộ GD&ĐT | 2017 |
| 11. | Việt Nam học | Bộ GD&ĐT | 2017 |
| 12. | Xã hội học | AUN-QA | 2018 |
| 13. | Tâm Lí học | AUN-QA | 2018 |
| 14. | Quốc tế học | Bộ GD&ĐT | 2019 |
| 15. | Lịch sử (Chuẩn và chất lượng cao) | AUN-QA | 2019 |
| 16. | Lưu trữ học | Bộ GD&ĐT | 2020 |
| 17. | Chính trị học | AUN-QA | 2020 |
| Trường Đại học Ngoại ngữ | | | |
| 18. | Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao) | AUN-QA | 2018 |
| 1. | Ngôn ngữ Đức | AUN-QA | 2019 |
| 2. | Ngôn ngữ Ả rập | AUN-QA | 2020 |

| STT | CTĐT | Tổ chức kiểm định | Năm kiểm định |
|---------------------------------|--------------------------------------|-------------------|---------------|
| Trường Đại học Công nghệ | | | |
| 3. | Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | AUN-QA | 2018 |
| Trường Đại học Kinh tế | | | |
| 4. | Tài chính ngân hàng (Chất lượng cao) | Bộ GD&ĐT | 2018 |
| 5. | Kế toán | Bộ GD&ĐT | 2018 |
| 6. | Kinh tế phát triển | Bộ GD&ĐT | 2020 |
| 7. | Kinh tế | Bộ GD&ĐT | 2020 |
| Trường Đại học Giáo dục | | | |
| 8. | Sư phạm Toán | Bộ GD&ĐT | 2019 |
| 9. | Sư phạm Ngữ văn | Bộ GD&ĐT | 2019 |
| Khoa Luật | | | |
| 10. | Luật học | AUN-QA | 2016 |
| 11. | Luật Kinh doanh | AUN-QA | 2019 |
| Khoa Quốc tế | | | |
| 12. | Kinh doanh quốc tế | Bộ GD&ĐT | 2019 |
| Khoa Y Dược | | | |
| 13. | Dược học | Bộ GD&ĐT | 2019 |
| 14. | Y Đa khoa | Bộ GD&ĐT | 2020 |

Danh sách gồm 32 CTĐT.